

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - VIETINBANKSC**

VIETNAM BANK FOR INDUSTRY AND TRADE SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

2013

Hà Nội, tháng 02 năm 2014

MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông tin chung

- 03 Thông tin khái quát
- 04 Quá trình hình thành và phát triển
- 05 Lĩnh vực kinh doanh chính
- 06 Định hướng phát triển
- 07 Các rủi ro

Tình hình hoạt động 2013

- 09 Tình hình hoạt động
- 17 Ban Điều hành
- 20 Cơ cấu cổ đông
- 21 Sơ đồ tổ chức
- 22 Chính sách phát triển nguồn nhân lực
- 23 Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Quản trị Công ty

- 33 Hội đồng Quản trị
- 38 Ban Kiểm soát
- 39 Báo cáo Ban Kiểm soát
- 42 Thù lao HĐQT

Báo cáo tài chính 2013

- 46 Bảng Cân đối kế toán
 - 50 Báo cáo Kết quả kinh doanh
 - 51 Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
 - 54 Thuyết minh Báo cáo Tài chính
-

THÔNG DIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“Đầu tư cẩn trọng trong dài hạn, tận dụng các cơ hội đầu tư tốt trong ngắn hạn, đồng thời tiếp tục cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đa dạng hóa dịch vụ, phát triển mạng lưới khách hàng, đáp ứng nhu cầu đầu tư gia tăng của khách hàng, đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro đảm bảo kinh doanh an toàn và hiệu quả.”

Kính thưa Quý vị,

Năm 2013 đánh dấu bước chuyển mình dần thoát khỏi tình trạng khó khăn ám đạm vốn đã bao phủ nền kinh tế trong nước và thế giới trong vòng một vài năm trở lại đây. Kinh tế thế giới bắt đầu có nhiều điểm sáng, có thể kể đến bước đầu vượt khỏi suy thoái của Châu Âu khi khủng hoảng nợ được xem là đã chạm đáy, mức tăng trưởng tích cực của nền kinh tế Mỹ, các chương trình cải cách kinh tế của Nhật Bản đạt kết quả khả quan, v.v... Kinh tế Việt Nam cũng đang trải qua quá trình hồi phục nhờ các biện pháp đồng bộ của Chính phủ để kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô khiến mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay giảm mạnh; tỷ giá cơ bản ổn định; dự trữ ngoại hối tăng nhanh. Tốc độ tăng giá tiêu dùng CPI giảm từ 9,21% năm 2012 xuống còn 6,04% năm

2013; tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012; tăng trưởng tín dụng đạt 12,51%, cao hơn 0,51% so với kế hoạch đề ra. Nhờ vậy môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, ảnh hưởng tích cực lên thị trường chứng khoán trong nước. Năm 2013, VN-Index tăng 21,89% lên mức 504,63 điểm trong khi HNX-Index tăng 18,83% chốt ở mức 67,84 điểm. Giá trị giao dịch bình quân/phiên trong năm 2013 của cổ phiếu và chứng chỉ quỹ là 1.372 tỷ đồng, tăng 5,23% so với năm 2012. Thị trường trái phiếu có tên trong Top 10 thị trường tăng trưởng nhất khu vực Châu Á, thanh khoản được cải thiện, khối ngoại mua ròng, sự ra đời của các quỹ mỏ, v.v... cũng là các thông tin tốt góp phần nâng đỡ thị trường chứng khoán năm 2013.

Nhận định rằng năm 2013 có nhiều cơ hội khởi sắc bên cạnh những tồn tại thách thức của năm 2012

nên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VietinBankSc) đã thực hiện chiến lược chuyển mạnh sang hoạt động cung cấp dịch vụ để thu phí, hoạt động đầu tư chứng khoán được tiến hành một cách cẩn trọng với mục tiêu là đảm bảo an toàn đồng vốn nhưng vẫn bám sát thị trường để tìm kiếm các cơ hội đầu tư nhằm để tăng doanh thu. VietinBankSc tiếp tục kiểm soát tốt rủi ro, đẩy mạnh đầu tư công nghệ, triển khai các phần mềm để tăng năng suất lao động, hỗ trợ giao dịch và chăm sóc khách hàng. Nhờ vậy, kết quả đạt được của VietinBankSc là gần 86 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đạt 100,7% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Đây là năm thứ 13 liên tiếp VietinBankSc kinh doanh có lãi.

Bước sang năm 2014, kinh tế thế giới và trong nước dự báo sẽ dần phục hồi nhưng tốc độ chậm, bên cạnh các triển vọng tích cực là những diễn biến thị trường khó được dự đoán, độ rủi ro trong hoạt động đầu tư vẫn còn rất cao. Trước tình hình đó, VietinBankSc tiếp tục duy trì định hướng đầu tư cẩn trọng trong dài hạn, tận dụng các cơ hội

đầu tư tốt trong ngắn hạn, đồng thời tiếp tục cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đa dạng hóa dịch vụ phát triển mạng lưới khách hàng, đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng, đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro đảm bảo kinh doanh an toàn và hiệu quả.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin được gửi lời tri ân sâu sắc tới các cơ quan quản lý, Quý khách hàng và Quý vị cổ đông đã dành sự quan tâm, gần bó và ủng hộ cho VietinBankSc. Chúng tôi tin tưởng rằng, với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại và không ngừng cải tiến, đội ngũ cán bộ nhân viên tận tâm, chuyên nghiệp và chiến lược kinh doanh linh động, VietinbankSc sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu tốt hơn trong năm 2014 tới, góp phần gia tăng lợi ích lâu dài cho Quý khách hàng, Quý vị cổ đông và xã hội.

Trân trọng cảm ơn!

Đỗ Thị Thủy

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
Tên viết tắt	VietinBankSc
Mã CK:	CTS
Địa chỉ:	306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại:	04. 6278 0012
Fax:	04. 3974 1760
GP thành lập và hoạt động:	Số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2009, Giấy phép điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK ngày 29/02/2012
Website:	www.vietinbanksc.com.vn
Vốn điều lệ:	789,9 tỷ đồng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2010 - 2013

- Là một trong những công ty chứng khoán hoạt động có hiệu quả nhất thị trường.
- Hoạt động kinh doanh luôn duy trì sự an toàn và ổn định.

2008 - 2009

- Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ.
- Chuyển đổi thành Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam với Vốn điều lệ là 789,9 tỷ đồng.
- Niêm yết trên sàn HNX với mã giao dịch là “CTS”.

2000 - 2007

- Thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Công thương.
- 2004: Tăng vốn điều lệ lên 105 tỷ đồng.
- 2007: Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

Với bề dày kinh nghiệm của một trong 07 công ty hoạt động đầu tiên trên thị trường chứng khoán, VietinBankSc đã được khách hàng tin cậy đánh giá là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán. Hiện tại VietinBankSc có trụ sở chính đặt tại Hà Nội, 01 chi nhánh và 01 phòng giao dịch tại TP. Hồ Chí Minh cùng với hơn 80 trung tâm hỗ trợ khách hàng là các chi nhánh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trên khắp cả nước. Dịch vụ của VietinBankSc luôn dựa trên nền tảng của tính chuyên nghiệp, trung thực và bảo mật, bao gồm các hoạt động sau:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

“VIETINBANKSC ĐẶT MỤC TIÊU TRỞ THÀNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN UY TÍN HÀNG ĐẦU,”

- Công ty luôn phấn đấu nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa vào thị trường những dịch vụ ưu việt hơn để phục vụ và thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng.
- Xác định quản trị rủi ro là một trong những nhiệm vụ thiết yếu, tạo dựng sự an toàn trong dịch vụ và uy tín cho khách hàng. VietinBankSc cam kết sẽ không thực hiện các nghiệp vụ trái với luật pháp, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động chuẩn mực của thị trường.
- Với những lợi thế sẵn có cùng với nỗ lực không ngừng nghỉ, VietinBankSc sẽ tiếp tục phát triển bền vững. Công ty phấn đấu tăng trưởng lợi nhuận của các năm tiếp theo đạt trên 20% cũng như trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, trở thành địa chỉ tin cậy cho các nhà đầu tư và khách hàng.
- VietinBankSc đã và sẽ tiếp tục đồng hành cùng với những chương trình từ thiện. Tổ chức các chuyến đi từ thiện nhằm mang tấm lòng và sự hào tâm đến với những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn ở khắp mọi miền cả nước.

CÁC LOẠI RỦI RO

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường được thể hiện thông qua những biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, chi phí giá vốn...

Rủi ro lãi suất

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phần

- Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng

của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán. Việc đầu tư cổ phiếu do đó sẽ chịu rủi ro lớn khi mà năm 2014 vẫn được dự báo là một năm biến động và đầy khó khăn đối với các công ty hoạt động tại Việt Nam. Chính vì vậy, Công ty luôn tập trung đầu tư vào những công ty có tiềm năng và những công ty có cơ bản tốt để giảm thiểu sự ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

- Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

- Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có

liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

- Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với tài khoản vay, phải thu. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

- Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và một số ngân hàng lớn tại Việt Nam làm nhiệm vụ thanh toán bù trừ. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình thuyết minh V. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.
- Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

4. Rủi ro Pháp luật

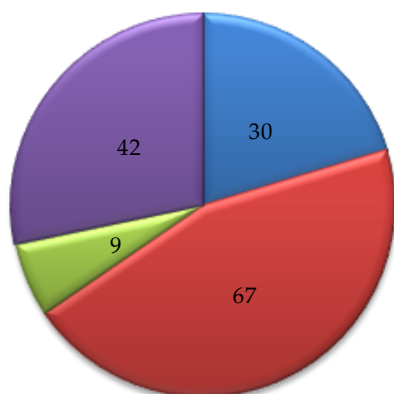
- Là công ty hoạt động trong thị trường chứng khoán còn non trẻ nơi mà hệ thống pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, VietinBankSc luôn nhận thức rõ ràng những rủi ro từ sự thay đổi của pháp luật đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan khác. Ngoài ra, Công ty đã và đang nâng cao kiến thức về pháp luật cho cán bộ công nhân viên cũng như tuyển dụng nhiều nhân lực có trình độ, hiểu biết sâu rộng về pháp luật. Nhờ đó đã giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.

5. Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin

- Rủi ro hệ thống và vấn đề bảo mật thông tin của công ty cũng như của khách hàng là một trong những yếu tố sống còn đối với sự tồn tại, phát triển cũng như uy tín của các công ty chứng khoán nói chung và của VietinBankSc nói riêng. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc quy trình về bảo mật thông tin, thường xuyên rà soát hệ thống nhằm tránh những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến việc bảo mật thông tin như xuất hiện lỗ hổng bảo mật, virus hay sự tấn công của các hacker. Ban Kiểm soát Công ty thường xuyên kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các phòng ban nhằm đảm bảo việc bảo mật thông tin và giảm thiểu, phòng tránh rủi ro hệ thống.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG 2013

Cơ cấu doanh thu (tỷ đồng)



■ Môi giới ■ Đầu tư chứng khoán ■ Tư vấn ■ Khác

148 tỷ đồng
Doanh thu

86 tỷ đồng
LNTT

1.082 tỷ đồng
Tổng tài sản

900 tỷ đồng
VCSH

“Chúng tôi đặt mục tiêu tăng trưởng 20% trong năm 2014”

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu	148.476	175.699	188.020
Doanh thu môi giới	30.181	37.504	22.295
Doanh thu đầu tư góp vốn	67.066	66.428	78.012
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.191	250	5.660
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	65		
Doanh thu hoạt động tư vấn	9.183	14.334	17.525
Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.763	4.417	3.120
Doanh thu khác	35.028	52.765	61.407
Lợi nhuận từ HĐKD	85.548	95.975	81.981
Lợi nhuận khác	13	(23)	901
Lợi nhuận trước thuế	85.560	95.952	82.883
Lợi nhuận sau thuế	65.237	72.740	63.892
Thị phần môi giới	2,0%	2,7%	1,8%
ROE	7,3%	8,3%	7,5%

Năm 2013, nền kinh tế bắt đầu xuất hiện các dấu hiệu tích cực mặc dù tốc độ phục hồi còn chậm và chưa thực sự bứt phá. Thị trường chứng khoán cũng có những bước tiến đáng kể, mức vốn hóa thị trường gia tăng, đạt mức tương đương với 37,3% GDP, chỉ số VN-Index và HNX-Index lần lượt tăng 21,89% và 18,83% so với cuối năm 2012. Công ty

Chứng khoán Công thương – VietinBankSc tiếp tục duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được những thành tích nhất định, là một trong số ít công ty chứng khoán liên tục 13 năm có lãi và thực hiện trả cổ tức đều đặn cho cổ đông kể cả trong những năm khó khăn vừa qua.

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% tăng giảm
Lợi nhuận trước thuế	85	85,6	0,7%

- ✓ Lợi nhuận của công ty năm 2013 tăng 0,7% so với kế hoạch điều chỉnh và đạt 85,6 tỷ đồng.
- ✓ Trong năm 2013, Công ty tiếp tục duy trì thị phần môi giới của mình trên thị trường, đạt mức thị phần chung 2% toàn thị trường. Đặc biệt, trong Quý III/2013, Công ty đứng thứ 8 về thị phần môi giới trên sàn HSX.
- ✓ Số lượng tài khoản chứng khoán tăng 3,3% trong năm 2013. Năm 2014, VietinBankSc tiếp tục tập trung hướng tới phát triển mạng lưới khách hàng trên toàn quốc bằng việc đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin và áp dụng cơ chế chính sách phí và dịch vụ linh hoạt và hấp dẫn đối với khách hàng VIP, khách hàng mang lại nhiều lợi ích cho Công ty.
- ✓ Là sự lựa chọn hàng đầu của các tổng công ty, tập đoàn lớn như Tập đoàn VinGroup, Tập đoàn Than và Khoáng sản, Tổng Công ty Thép, Tổng Công ty Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC),... trong việc sử dụng các dịch vụ giao dịch chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

“Lợi nhuận từ HĐKD năm 2013 đạt 52,4 tỷ đồng tăng 8,6% so với năm 2012”

68,3 tỷ đồng

Doanh thu

Tổng quan

Hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành (BLPH) tiếp tục giữ vai trò chủ chốt trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dịch vụ bảo lãnh phát hành của Công ty được nhiều khách hàng lớn trên thị trường tin cậy sử dụng và được đánh giá cao về tính

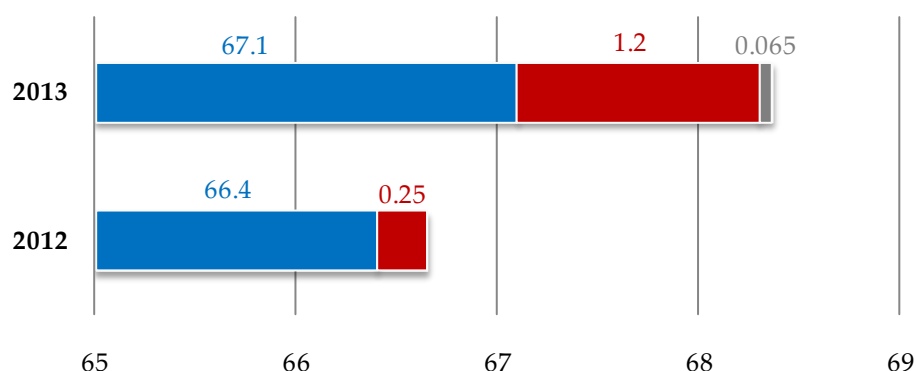
chuyên nghiệp. Một số khách hàng lớn năm 2013 mà Công ty thực hiện bảo lãnh phát hành trái phiếu là: Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh (1.020 tỷ đồng), Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (100 tỷ đồng), CTCP Tập đoàn Đầu tư Việt Nam (100 tỷ đồng)...

2,5%

Tăng trưởng Doanh thu

Cơ cấu doanh thu

(ĐVT: Tỷ đồng)



- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán

Đóng góp

46,0%

vào tổng doanh thu

Hoạt động kinh doanh 2013

Doanh thu hoạt động đầu tư và BLPH đạt 68,3 tỷ đồng, tăng 2,5% so với năm 2012, và chiếm hơn 46% tổng doanh thu toàn Công ty. Trong đó, doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn đạt 67,1 tỷ đồng, tăng hơn so với năm 2012 nhờ kết quả tích cực của hoạt động đầu tư cổ phiếu niêm yết.

Doanh thu bảo lãnh phát hành đạt 1,2 tỷ đồng, gia tăng đáng kể so với mức 0,25 tỷ đồng của năm 2012. Ngoài ra Công ty cũng xây dựng và mở rộng quan hệ với nhiều đối tác khách hàng, đây chính là tiền đề tốt cho hoạt động bảo lãnh phát hành trong thời gian tới.

Chiến lược phát triển 2014

1. Tập trung vào các hoạt động kinh doanh nguồn vốn, đầu tư trái phiếu và hoạt động bảo lãnh phát hành, trong đó ưu tiên các khách hàng của VietinBank;
2. Tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư hấp dẫn trên thị trường chứng khoán;
3. Tìm kiếm các đối tác, doanh nghiệp có tiềm năng để tham gia đầu tư góp vốn.

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

“Lợi nhuận từ HĐKD năm 2013 đạt 1,84 tỷ đồng tăng 5,5% so với năm 2012”

30,2 tỷ đồng

Doanh thu

Tổng quan

Với hơn 13 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, VietinBankSc có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực môi giới chứng khoán với mạng lưới giao dịch rộng khắp cả nước, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, năng động, nhiệt

tình và tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Trong những năm qua, VietinBankSc luôn là địa chỉ tin cậy để nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch nhờ công tác quản trị rủi ro tốt, đảm bảo an toàn tài sản cho khách hàng.

2%

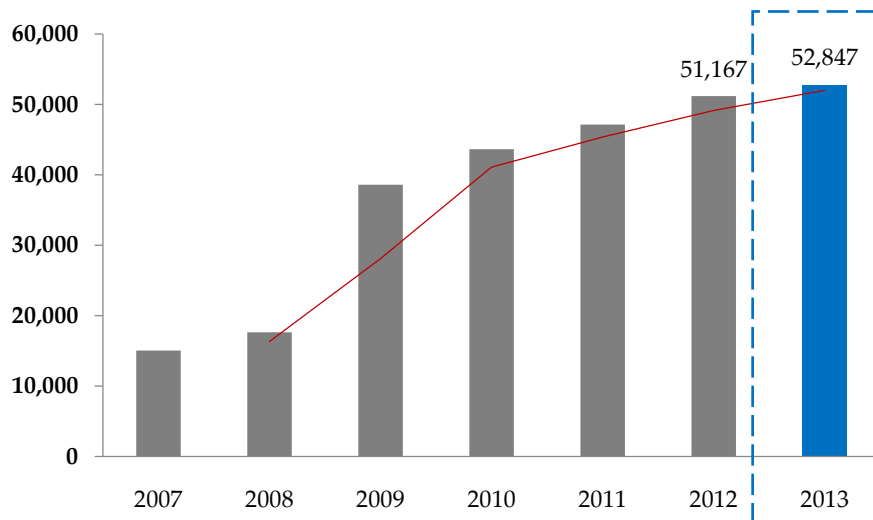
**Thị phần giao dịch
toàn thị trường**

Dịch vụ cung cấp	Tiện ích
Giao dịch chứng khoán	Cung cấp các hình thức giao dịch đa dạng: Đặt lệnh tại quầy, đặt lệnh qua điện thoại, đặt lệnh qua Internet
Hỗ trợ giao dịch	Cung cấp nhiều tiện ích tích hợp: tin nhắn SMS, Mua phát hành thêm – giao dịch lô lẻ qua điện thoại/Internet
Hỗ trợ tài chính	Ứng trước tiền bán quan điện thoại/internet, Vay ký quỹ chứng khoán
Khách hàng tiêu biểu	Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Đầu tư Việt Nam, Tập đoàn Bitexco, Tổng Công ty Thép, Công ty Quản lý Quỹ MB Capital...

THỨ 8

Thị phần môi giới quý
III/2013 của HSX

Số lượng tài khoản qua các năm



Hoạt động kinh doanh 2013

Năm 2013, Công ty đã tiếp tục thực hiện cải tổ hoạt động môi giới theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại thông qua việc đầu tư công nghệ, gia tăng các tiện ích giao dịch và dịch vụ hỗ trợ. Tất cả các sản phẩm trên thị trường chứng khoán được pháp luật công nhận đều được triển

khai ở VietinBankSc để cung cấp cho nhà đầu tư.

Tổng số tài khoản hiện tại là 52.847 tài khoản, tăng 1.680 tài khoản so với năm 2012. Thị phần đạt 2.0% toàn thị trường; đứng thứ 8 về thị phần môi giới trong Quý III/2013 của HSX.

Chiến lược phát triển 2014

1. Hướng tới các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước để đẩy mạnh doanh thu và thị phần môi giới;
2. Tiếp tục khai thác mạng lưới khách hàng tại các chi nhánh của Ngân hàng Công thương với việc hiện đại hóa và đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu của Khách hàng;
3. Tiếp tục chiếm lĩnh top đầu thị phần môi giới trên thị trường.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

“Lợi nhuận từ HĐ Tư vấn TCDN năm 2013 đạt 4,04 tỷ đồng”

9,2 tỷ đồng
Doanh thu

Tổng quan

Đây là dịch vụ được VietinBankSc chú trọng phát triển ngay từ những ngày đầu thành lập, đồng thời là hoạt động khẳng định thương hiệu của VietinBankSc trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Dịch vụ cung cấp

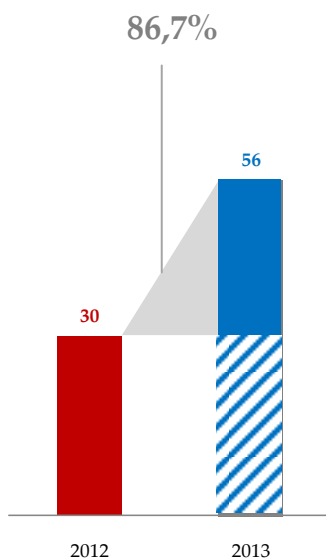
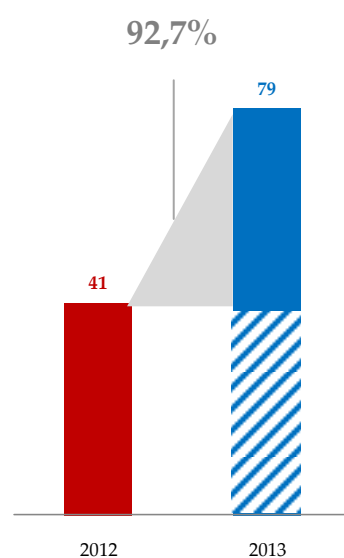
Một số khách hàng lớn năm 2013

Phát hành trái phiếu	Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Bitexco, Tập đoàn VinGroup ...
Phát hành cổ phiếu	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Than Hà Lầm – Vinacomin, Công ty cổ phần Công nghiệp Hapulico...
Cổ phần hóa	Tổng Công ty Chăn nuôi, Tổng Công ty Cơ điện nông nghiệp và thủy lợi...
Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam...

Ký mới

79

Hợp đồng

Số lượng hợp đồng hoàn thành
2012 - 2013Số lượng hợp đồng ký mới năm
2012 - 2013

Hoạt động kinh doanh 2013

Kết thúc năm 2013, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 9.183 triệu đồng. Đặc biệt, doanh thu từ các nghiệp vụ truyền thống (không bao gồm doanh thu từ hoạt động phát hành trái phiếu) đạt 2.272 triệu đồng, tăng 160,1% so với năm 2012.

Tiếp cận và phát triển quan hệ mới với khoảng 30 doanh nghiệp, trong đó bao gồm các Tập đoàn

và các Tổng Công ty lớn như: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước SCIC, Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc,....

Ngoài ra, trong năm 2013, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng xúc tiến phát triển nghiệp vụ tư vấn M&A, kết nối nhu cầu đầu tư giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các đối tác Nhật Bản.

Chiến lược phát triển 2014

1. Tư vấn cổ phần hóa và tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho các tập đoàn nhà nước đang có kế hoạch tái cấu trúc 2013 – 2015;
2. Tiếp tục đẩy mạnh việc khai thác lợi thế là công ty con của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
3. Tập trung vào các hợp đồng trái phiếu và M&A có giá trị cao.

BAN ĐIỀU HÀNH

VietinBankSc có 5 thành viên trong Ban Điều hành bao gồm:

- | | | |
|---------------------------------|---|-------------------|
| 1. Ông Đỗ Linh Phương | – | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Bạch Nguyễn Vũ | – | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Thọ Phùng | – | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Minh Giang | – | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Bà Phan Hải Sâm | – | Kế toán trưởng |



Ông ĐỖ LINH PHƯƠNG
Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1981

Ông Đỗ Linh Phương có 10 năm kinh nghiệm làm việc trên thị trường tài chính Việt Nam và quốc tế. Tháng 01/2010, Ông gia nhập VietinBankSc và đảm nhiệm các chức vụ quản lý quan trọng như Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Trưởng phòng Tự doanh và Bảo lãnh phát hành. Trước khi tham gia VietinBankSc, Ông Phương là Trưởng phòng Tự doanh Công ty Chứng khoán Vincom (trực thuộc Tập đoàn VinGroup), Phòng Kinh doanh Ngoại tệ và vốn tại Ngân hàng Mizuho Corporate Bank,...

Hiện nay Ông Phương đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công Thương.

Ông Phương là cử nhân Đại học Ngoại thương Hà Nội, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại. Ông có thời gian học tập tại Đại học Quốc tế Osaka (Nhật Bản) và nằm trong danh sách được trao tặng Học bổng Fulbright.



Ông BẠCH NGUYỄN VŨ

Ủy viên HĐQT

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Ông Bạch Nguyễn Vũ là một trong số những người tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu tiên (từ tháng 5/2000). Ông đã tham gia vào rất nhiều dự án tư vấn cổ phần hóa, tổ chức IPO, bảo lãnh phát hành, định giá doanh nghiệp... tại Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt. Ở cương vị một nhà quản lý, Ông Vũ đã từng nắm giữ các chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia, Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Vincom, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ĐTCK Hapaco.

Hiện nay Ông Vũ đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công Thương.

Ông Vũ là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo tại CFVG.



Ông NGUYỄN THỌ PHÙNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1960

Ông Nguyễn Thọ Phùng đã có nhiều năm kinh nghiệm tại các doanh nghiệp kinh doanh và tổ chức tài chính. Ông bắt đầu sự nghiệp trong lĩnh vực này vào năm 1981 tại Bộ Công Thương Việt Nam. Sau đó Ông chuyển sang đảm nhận vị trí Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên kiêm Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Cung ứng Dịch vụ Hàng không - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Ông tham gia VietinBankSc với vị trí là Trưởng phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp từ năm 2006-2008, là Phó Giám đốc cho tới tháng 06/2009 và hiện tại là Phó Tổng Giám đốc.

Ông là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ.



Ông NGUYỄN MINH GIANG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974

Trước khi là Phó Tổng Giám đốc, Ông Nguyễn Minh Giang đã gắn bó nhiều năm với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và lần lượt đảm đương nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kinh doanh và Trưởng phòng kế toán Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh.

Ông là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Griggs Hoa kỳ và Cử nhân luật - Đại học Luật Hà Nội.



Bà PHAN HẢI SÂM

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1975

Trước khi là Kế toán trưởng, Bà Phan Hải Sâm là thành viên gắn bó nhiều năm với Ngân hàng Công thương Việt Nam và lần lượt đảm đương nhiều vị trí quan trọng như Phó trưởng phòng Thanh toán ngân quỹ, Phó phòng Chế độ kế toán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Bà là Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

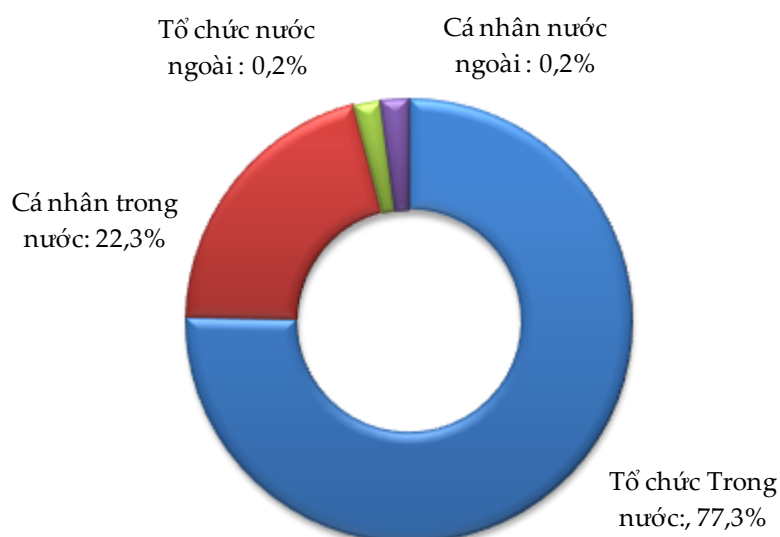
Vốn điều lệ của Công ty	:	789.934.000.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	:	78.993.400	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	:	77.703.400	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	:	1.290.000	cổ phiếu

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của VietinBankSc

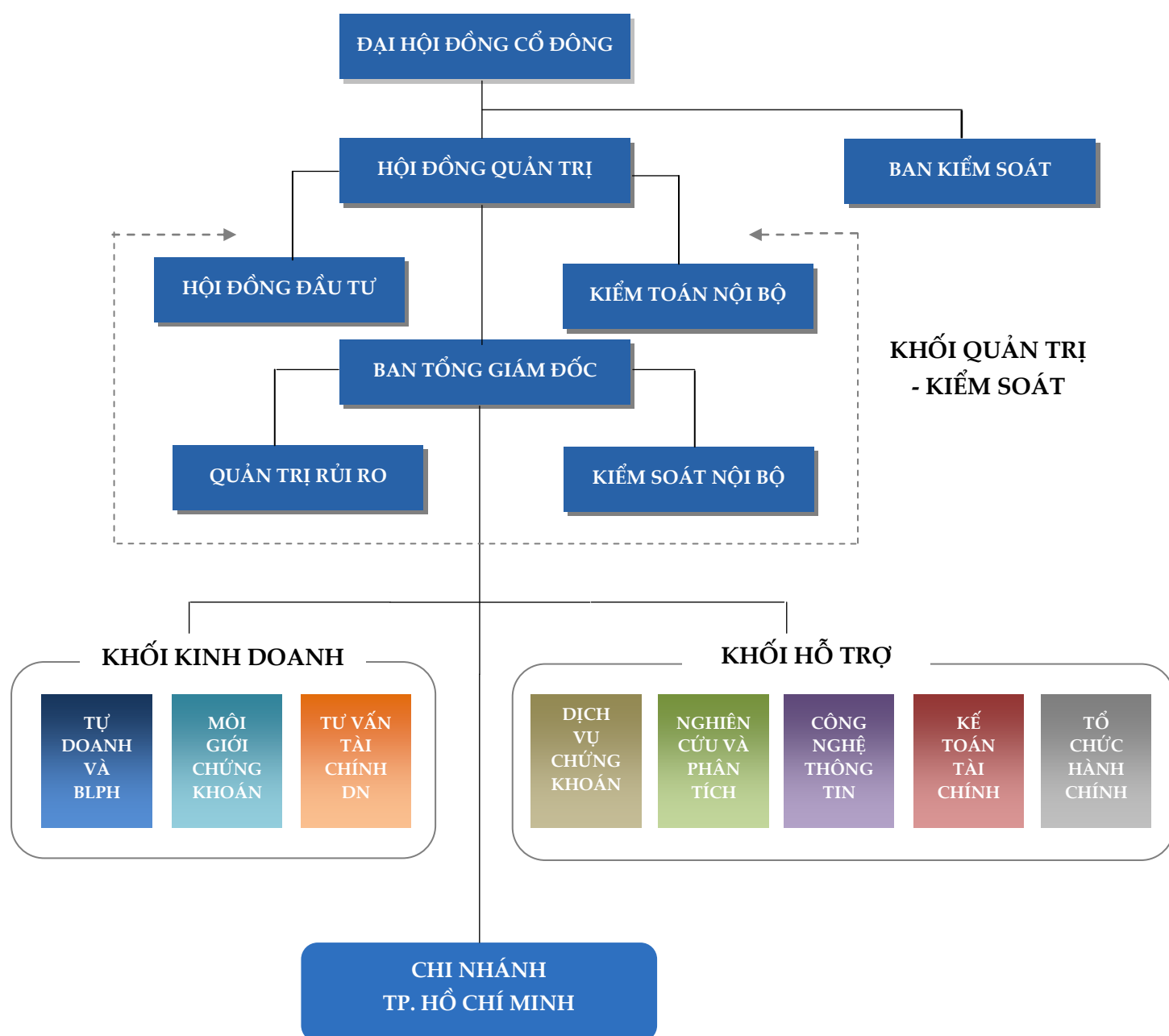
Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009	59.723.194	75,6%
Đại diện bởi:			
- Bà Đỗ Thị Thủy	010442664	31.597.360	40,0%
- Ông Vũ Trung Thành	011978123	23.698.020	30,0%
- Bà Phạm Thị Thanh Hoài	011877658	4.427.814	5,6%

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBankSc

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:



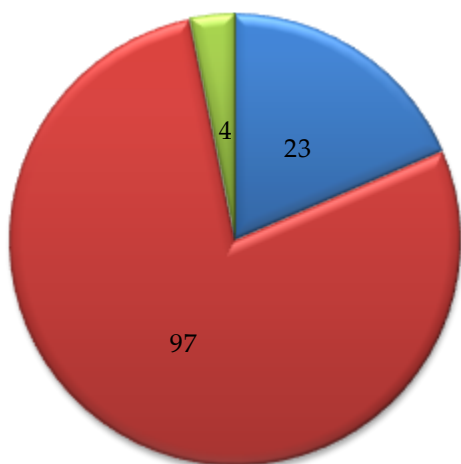
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Số lượng cán bộ, nhân viên của VietinBankSc tại ngày 31/12/2013 là 124 CBNV

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Cơ cấu nhân sự năm 2013 (số người)



■ Trên đại học ■ Đại học ■ Khác

Năm 2011

129

Nhân sự

Năm 2012

124

Nhân sự

Năm 2013

124

Nhân sự

Trong đó:

Dưới 30 tuổi

49 Nhân sự

Trên 30 tuổi

75 Nhân sự

Phát triển nguồn nhân lực

Xác định nguồn nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất, là chìa khóa của thành công, VietinBankSc luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của toàn Công ty. Năm 2013, VietinBankSc tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách phát triển nguồn nhân lực như: sắp xếp, phân công công việc hợp lý, tiếp tục tuyển dụng cán bộ giỏi, có kinh nghiệm trên thị trường, xây dựng môi trường làm việc năng động, thăng tiến và triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ cho người lao động để đáp ứng tối ưu nhu cầu của khách hàng trong giai đoạn cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Để duy trì đội ngũ cán bộ, nhân viên giỏi và thu hút nhân tài, bên cạnh chính sách tuyển dụng

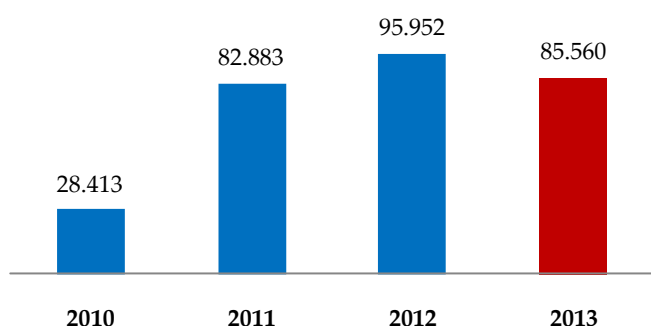
công khai minh bạch, VietinBankSc luôn chú trọng xây dựng chế độ đãi ngộ hấp dẫn với người lao động như chính sách lương, thưởng, phúc lợi nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân. Năm 2013, VietinBankSc đã xây dựng và ban hành chính sách lương theo KPIs và đưa vào áp dụng từ năm 2014 với hy vọng là động lực thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động.

Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, sa thải nhân viên, VietinBankSc vẫn tiếp tục khẳng định là doanh nghiệp, là địa chỉ làm việc hấp dẫn với người lao động. Làm việc tại VietinBankSc, người lao động luôn được đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.

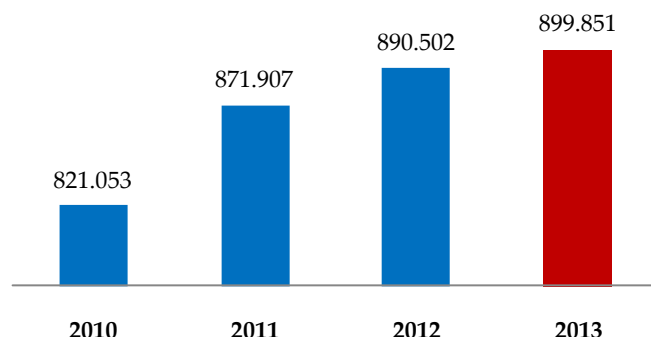
Chính sách phúc lợi và các đãi ngộ khác như kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên; chính sách thai sản... cũng được Công ty chú trọng nhằm thể hiện sự gắn kết, quan tâm của Công ty đối với người lao động.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Lợi nhuận trước thuế
(triệu đồng)



Vốn chủ sở hữu
(triệu đồng)

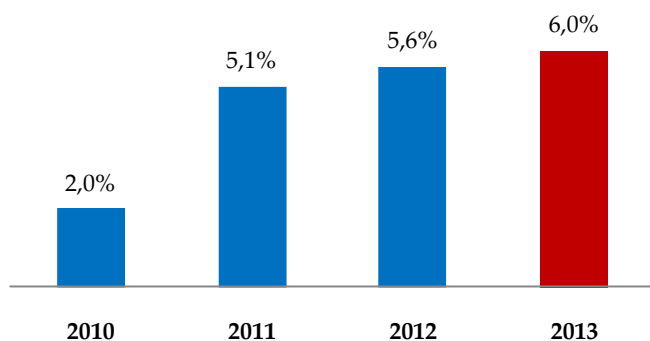


Đơn vị: Triệu đồng

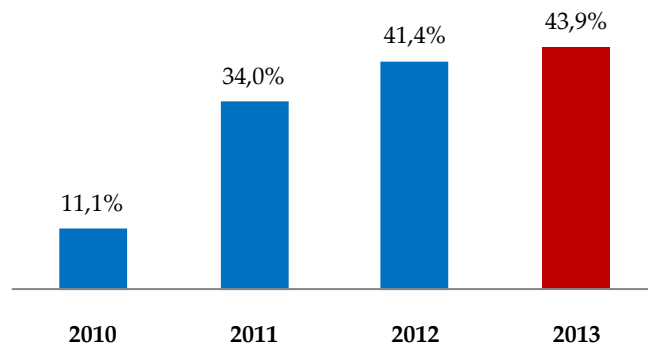
Chỉ tiêu	Năm		% tăng giảm
	2013	2012	
1. Tổng giá trị tài sản	1.082.273	1.093.411	-1,0%
2. Doanh thu	148.476	175.699	-15,5%
Doanh thu môi giới	30.181	37.504	-19,5%
Doanh thu đầu tư góp vốn	67.066	66.428	1,0%
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.191	250	376,4%
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	65	-	
Doanh thu hoạt động tư vấn	9.183	14.334	-35,9%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.763	4.417	30,5%
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-	
Doanh thu khác	35.028	52.765	-33,6%
3. Lợi nhuận từ HĐKD	85.548	95.975	-10,9%
4. Lợi nhuận khác	13	(23)	
5. Lợi nhuận trước thuế	85.560	95.952	-10,8%
6. Lợi nhuận sau thuế	65.237	72.740	-10,3%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản



Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần



Chỉ tiêu	Năm	
	2013	2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	4.71	4.19
Hệ số thanh toán nhanh	4.71	4.19
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0.17	0.19
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.20	0.23
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho		
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.14	0.16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	0,44	0,41
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	7,3%	8,3%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	6,0%	5,6%

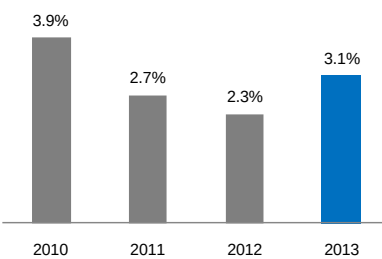
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá chung

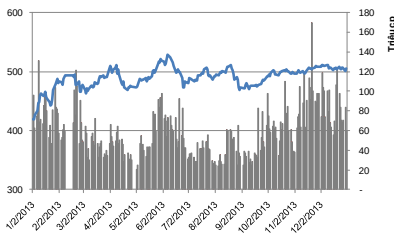
KINH TẾ THẾ GIỚI

Tốc độ tăng trưởng



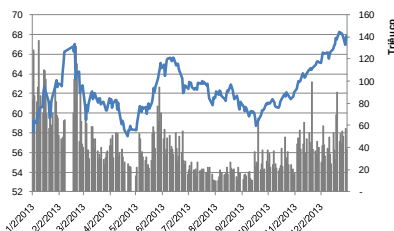
TTCK VIỆT NAM 2013

VNINDEX



TTCK VIỆT NAM 2013

HNXINDEX



■ Năm 2013, kinh tế thế giới đã có tín hiệu tích cực. Kinh tế Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản bắt đầu ổn định trong khi kinh tế Trung Quốc suy giảm nhẹ. Dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới đã gia tăng trở lại và đạt khoảng 3,1%. Kinh tế trong nước đang có dấu hiệu đi qua vùng đáy. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 đạt khoảng 5,42% (năm 2012 đạt 5,25%); kim ngạch xuất khẩu tăng 15,4% so với năm 2012; lạm phát và lãi suất giảm; tỷ giá ổn định; thanh khoản cải thiện; nợ xấu bắt đầu được xử lý nhờ VAMC; thị trường bất động sản ấm dần,...

■ Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có sự hồi phục đáng khích lệ. Chỉ số chứng khoán Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới. Năm 2013, VN-Index và HNX-Index tăng lần lượt 21,89% và 18,83%. VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2013 ở mức 504,63 điểm, HNX-Index chốt năm 2013 ở mức 67,84 điểm. Giá trị vốn hoá thị trường năm 2013 đạt 947.508 tỷ đồng, tương đương mức 37,3% GDP. Giá trị giao dịch bình quân trên hai sàn đạt 1.372 tỷ đồng/phiên, tăng 5,23% so với năm 2012. Thị trường trái phiếu có tên trong Top 10 thị trường tăng trưởng nhất khu vực Châu Á với mức huy động vốn qua kênh đấu thầu trái phiếu Chính phủ năm 2013 là 194.800 tỷ đồng, tăng 10% so với năm trước. Giá trị giao dịch bình quân trái phiếu Chính phủ đạt 1.257 tỷ đồng/phiên, tăng 90% so với năm 2012. Cũng trong năm 2013, khối ngoại mua ròng 365 triệu USD, tương đương 7.667 tỷ đồng trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt khoảng 1,27 triệu tài khoản, trong đó số lượng tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài tăng 55%. Năm 2013 cũng chứng kiến sự ra đời của hàng loạt quỹ mở. Tính đến hết tháng 12/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp phép thành lập cho 10 quỹ mở đi vào hoạt động, cung cấp thêm lựa chọn đầu tư cho thị trường. Đặc biệt trong năm này, Ủy ban chứng khoán Nhà nước trở thành thành viên đầy đủ của Tổ chức quốc tế các Ủy ban Chứng khoán.

- Trong năm 2013, bên cạnh việc chuyển mạnh sang hoạt động cung cấp dịch vụ để thu phí, Công ty đã có sự điều chỉnh chiến lược kinh doanh linh hoạt thích ứng với những biến động của thị trường. Nửa đầu năm 2013, do nhận định thị trường vẫn khó khăn nên Công ty tiếp tục giảm hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết, tập trung vào hoạt động kinh doanh nguồn, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. Nửa cuối năm 2013 khi thị trường có dấu hiệu khởi sắc, Công ty đã tận dụng các cơ hội đầu tư cổ phiếu, trái phiếu thu lợi nhuận đột phá về cho Công ty. Song song với đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro được tăng cường từ khâu soạn thảo và ban hành quy trình quy chế đến giám sát thực hiện nên mặc dù thị trường diễn biến phức tạp nhưng hoạt động của Công ty vẫn diễn ra an toàn.
- Nhờ chiến lược linh động bám sát diễn biến thị trường, doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn năm 2013 đạt 67,1 tỷ đồng, tăng 1,1% so với năm 2012. Doanh thu bảo lãnh phát hành đạt 1,2 tỷ đồng, gia tăng đáng kể so với mức 0,25 tỷ đồng của năm 2012 do định hướng tận dụng lợi thế khách hàng của Ngân hàng mẹ bên cạnh việc tích cực tìm kiếm đối tác tiềm năng bên ngoài. Doanh thu từ hoạt động môi giới đạt trên 30,2 tỷ đồng, thị phần hoạt động môi giới đạt 2,0% so với toàn thị trường, đứng thứ 8 về thị phần môi giới Quý III/2013 của HSX. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp mang lại 9,183 tỷ đồng doanh thu, 79 hợp đồng ký mới, tăng 92,68% so với năm 2012. Hoạt động lưu ký đã mang lại doanh thu trên 5,7 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2012.
- Kết thúc năm 2013, Công ty đạt gần 86 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đạt 100,7% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao (85 tỷ đồng).

Biến động tài sản trong năm 2013

- Năm 2013, tổng tài sản của công ty không có biến động bất thường. Tổng tài sản đầu kỳ đạt trên 1.093 tỷ đồng trong đó tài sản dài hạn trên 258 tỷ và tài sản ngắn hạn xấp xỉ 836 tỷ đồng. Tổng tài sản cuối kỳ đạt trên 1.082 tỷ đồng trong đó tài sản dài hạn trên 235 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn xấp xỉ 848 tỷ đồng.
- Trong năm 2013, Công ty đã sử dụng và khai thác tài sản khá hiệu quả, không phát sinh các tài sản xấu cũng như các khoản nợ xấu khó đòi.

Tình hình nợ phải trả

- Trong kỳ không phát sinh các khoản nợ, phải trả bất thường. Tình hình tài chính lành mạnh và Công ty đủ năng lực để thanh toán các khoản nợ.

2. Tiếp tục đổi mới về cơ cấu tổ chức, chính sách về quản lý và hoạt động kinh doanh.**Hoạt động kinh doanh**

Trong năm 2013, do có sự cải tổ hoạt động môi giới theo hướng cơ cấu nhân sự thành các tổ bán hàng năng động đồng thời tiếp tục đầu tư và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, gia tăng tiện ích giao dịch. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 đạt được là do sự tích cực phát triển mạng lưới khách hàng sâu rộng bên cạnh việc chuyên nghiệp hóa hình ảnh và chất lượng sản phẩm tư vấn đã thu hút được các tập đoàn lớn sử dụng dịch vụ và hợp tác tham gia. Hoạt động dịch vụ chứng khoán của Công ty trong năm 2013 như lưu ký, chuyển khoản, hạch toán các bút toán trên hệ thống phần mềm, mở tài khoản nhà đầu tư, trả cổ tức, quản lý sổ cổ đông, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc cho khách hàng, v.v được đổi mới trong quy cách thực hiện và mẫu biểu, đảm bảo nhanh gọn, chu đáo, hợp chuẩn.

Hoạt động hỗ trợ và quản trị rủi ro**(i) Hoạt động nghiên cứu phân tích**

- Hoạt động nghiên cứu phân tích là đã được chú trọng và thay đổi theo hướng chuyên nghiệp để hỗ trợ đắc lực nghiệp vụ tự doanh chứng khoán cũng như môi giới chứng khoán của Công ty thông qua việc cung cấp các báo cáo phân tích và các nhận định thị trường. Xác định tầm quan trọng của hoạt động này, Công ty đã tiến hành cải tổ bộ máy nhân sự nghiên cứu phân tích toàn diện, tuyển dụng các nhân sự cao cấp, chuyên nghiệp hóa hình thức và nội dung, tăng cường hoạt động tìm hiểu thực tế và nghiên cứu doanh nghiệp, cung cấp các báo cáo phân tích chuyên sâu và nhận định thị trường hàng ngày nhằm đưa ra các khuyến cáo phù hợp cho nhà đầu tư và hoạt động tự doanh của Công ty. Với những bản tin, khuyến cáo trên cơ sở xem xét thị trường một cách cẩn trọng, đa chiều và kịp thời nên đã hạn chế rất nhiều rủi ro mất vốn cho nhà đầu tư và Công ty.

(ii) Công tác quản lý kế toán, tài chính

- Hoạt động tài chính kế toán của công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty và các đơn vị thuộc Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận trong Công ty theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng đã làm tốt công tác tham mưu cho Tổng Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ quy định, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính. Quản lý tốt tiền vốn và tài sản Công ty.

(iii) Hoạt động công nghệ thông tin

- Mạng công nghệ thông tin luôn đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của Công ty, đặc biệt là trong giao dịch chứng khoán, thanh toán bù trừ. Bộ phận Công nghệ thông tin của Công ty đã quản lý và vận hành an toàn hệ thống, đảm bảo kết nối ổn định, liên tục với hai Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán, phục vụ tốt hoạt động giao dịch của Công ty cũng như các nhà đầu tư. Trong năm 2013, Công ty đã hoàn thành kết nối T.A với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để thuận tiện trong việc quản lý và kết nối tài khoản thanh toán và tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư, đồng thời triển khai phần mềm IBM Lotus Domino phục vụ quản lý công việc, cộng tác và kết nối cá nhân, góp phần đẩy nhanh tiến độ công việc. Dự kiến năm 2014, Công ty sẽ triển khai hệ thống Contact Center để nâng cao hoạt động chăm sóc khách hàng, dễ dàng trong việc truy vấn, tra cứu thông tin và các tiện ích khác phục vụ nhà đầu tư, tiếp tục nâng cao tỷ lệ nhà đầu tư sử dụng dịch vụ từ xa qua internet và điện thoại tại Công ty nhằm tiết kiệm được nhân công phục vụ và các chi phí khác, tăng năng suất lao động cho bộ phận môi giới chứng khoán.

(iv) Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

- Công ty đã thành lập bộ phận quản trị rủi ro trong năm 2013 và có kế hoạch thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị vào đầu năm 2014 theo quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính. Công ty cũng đã ban hành tương đối đầy đủ các quy trình nghiệp vụ kinh doanh cũng như các quy định về quản

trị nội bộ, thường xuyên cập nhật kịp thời các quy định mới của luật pháp cũng như của Ngân hàng TMCP Công Thương VN nên các nghiệp vụ của Công ty đều được quản trị một cách chặt chẽ, an toàn.

- Hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ năm 2013 của Công ty có nhiều đổi mới như: thực hiện chức năng pháp chế của Công ty, rà soát trước các hợp đồng kinh tế quan trọng, các tờ trình, phương án đầu tư của các đơn vị thuộc Công ty, v.v... Hầu hết các nghiệp vụ có tiềm ẩn rủi ro đều được bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ rà soát trước khi trình Ban Điều hành phê duyệt để đưa vào thực hiện. Bên cạnh đó, việc kiểm tra giám sát thường xuyên hoạt động các phòng nghiệp vụ và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh vẫn được duy trì và đảm bảo. Việc kiểm tra kiểm soát đã kịp thời phát hiện các vi phạm của một số bộ phận, những vướng mắc còn tồn tại để Ban Điều hành chấn chỉnh kịp thời. Thông qua hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ các tiềm ẩn rủi ro đã sớm được phát hiện, góp phần vào việc đảm bảo an toàn cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.

(v) Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

- Xác định nhân sự là yếu tố quyết định thành công đối với Công ty nên năm 2013 Công ty tiếp tục chính sách phát triển nguồn nhân lực, tuyển dụng bổ sung các nhân sự cao cấp với chính sách đãi ngộ hấp dẫn song song với việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm cho cán bộ nhân viên. Mặc dù thị trường có nhiều khó khăn, nhiều Công ty Chứng khoán tinh giảm biên chế nhưng Công ty vẫn tuyển dụng mới, bổ nhiệm nhiều vị trí có kinh nghiệm trên thị trường, duy trì lực lượng lao động, bảo đảm việc làm và thu nhập xứng đáng cho người lao động.
- Song song với đó là việc ban hành quy chế lương cho nhân viên bán hàng - làm nhiệm vụ phát triển khách hàng cho hoạt động môi giới và hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty - để tạo động lực cạnh tranh cho nhóm nhân viên này bên cạnh nhân viên môi giới và nhân viên phát triển thị trường, đồng thời thu hút nhân sự chất lượng cao về làm việc tại Công ty. Trong năm 2013, Công ty cũng đã xây dựng thành công chính sách lương theo KPIs và bắt đầu áp dụng từ năm 2014 với hy vọng đây sẽ là chìa khóa và động lực thúc đẩy người lao động nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2014.

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2014

Kế hoạch kinh doanh 2014

- Sang năm 2014, dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng khả quan, khu vực đồng euro thoát khỏi khủng hoảng với mức tăng trưởng 0,9%, Mỹ 2,7%, Nhật 1,2%,... Tuy vậy, những vấn đề tồn tại như nợ công ở Châu Âu, suy giảm tăng trưởng ở Trung Quốc và Ấn Độ; trong khi các doanh nghiệp nội địa chưa hết khó khăn, cân đối ngân sách nhà nước còn nan giải,... vẫn là các thách thức không nhỏ của nền kinh tế trong nước. Kinh tế Việt Nam dự báo tiếp tục tăng trưởng song tốc độ chậm, GDP dự báo tăng khoảng 5,6%-5,8% và CPI tăng khoảng 7%. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Định hướng cơ bản trong hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 là tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung cấp dịch vụ để tăng thu phí, đầu tư cẩn trọng trong dài hạn, bám sát thị trường để tận dụng các cơ hội đầu tư tốt trong ngắn hạn, đồng thời tiếp tục cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ, tăng cường công tác quản trị rủi ro đảm bảo kinh doanh an toàn và hiệu quả.
- Mục tiêu của năm 2014 của Công ty là tăng trưởng tối thiểu 20% các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận so với năm 2013.

Thay mặt Lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Cơ quan Quản lý đã đồng hành, chia sẻ và hợp tác với Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam trong thời gian qua và mong muốn được tiếp tục đồng hành và chia sẻ thành công cùng Quý vị. Kính chúc Quý vị năm mới Giáp Ngọ 2014 hạnh phúc viên mãn, an khang thịnh vượng, mã đáo thành công!

Trân trọng!

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Linh Phương

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong bối cảnh kinh tế đầy khó khăn và thử thách này, Hội đồng Quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết định có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn, đạt được mục tiêu đã đề ra. Kết quả năm 2013 Công ty đạt gần **86 tỷ đồng** lợi nhuận trước thuế, tăng 0,7% so với kế hoạch.

2013

Những thay đổi chủ yếu

- Năm 2013, **VietinBankSc đã tái cơ cấu danh mục đầu tư tự doanh** giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết và tích cực mở rộng, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư trái phiếu, giao dịch kỳ hạn trái phiếu chính phủ, góp vốn nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh diễn ra một cách ổn định, bền vững.
- Năm 2013, **VietinBankSc tiếp tục đạt được những thành tích đáng khích lệ trong hoạt động môi giới**. Thị phần môi giới đạt 2% tổng giá trị giao dịch của 2 sàn; Quý III/2013 Công ty đứng thứ 8 về thị phần môi giới trên sàn HSX. Trong năm Công ty đã phát triển thêm 1.680 tài khoản, đưa tổng số tài khoản của nhà đầu tư tại Công ty đạt đến con số **52.847** tài khoản.
- Năm 2013, **đánh dấu sự thành công của VietinBankSc trong hoạt động quản trị rủi ro**. VietinBankSc đã thực hiện quản trị rủi ro tốt đối với mọi hoạt động của Công ty nên mặc dù thị trường diễn biến phức tạp, nhiều công ty chứng khoán tự rút lui, rơi vào diện cảnh báo, gây ra nhiều lo ngại đối với hoạt động đầu tư của khách hàng, nhưng các hoạt động kinh doanh của VietinBankSc vẫn diễn ra an toàn và hiệu quả.
- Năm 2013, Công ty đã đưa vào **vận hành thành công các tiện ích hỗ trợ nhà đầu tư**, hoàn thành kết nối T.A với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, nâng cao các tiện ích giao dịch trực tuyến đảm bảo tỷ lệ giao dịch điện tử bao gồm giao dịch qua Internet và qua điện thoại đạt trên 90% về số lệnh giao dịch và giá trị giao dịch.

2014

Những định hướng quan trọng

▪ Đối với hoạt động môi giới

Tập trung phát triển thị phần môi giới của Công ty theo hai hướng. Một mặt phát triển mạng lưới giao dịch của Công ty, đẩy mạnh thị phần tại các thị trường tiềm năng. Mặt khác đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ tốt hơn nhu cầu giao dịch của nhà đầu tư. Tiếp tục áp dụng cơ chế lương theo doanh thu cho nhân viên môi giới và nhân viên phát triển thị trường nhằm tạo đột phá trong chính sách để lôi kéo các nhà đầu tư tiềm năng về giao dịch tại Công ty. Dành nguồn lực thích đáng cho vay giao dịch ký quỹ để đẩy mạnh dịch vụ môi giới chứng khoán. Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro đối với hoạt động này.

▪ Đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Tận dụng lợi thế là công ty con của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Công ty sẽ cung cấp các dịch vụ trọn gói cho khách hàng từ tư vấn tài chính, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, thu xếp vốn đến việc tư vấn phát hành trái phiếu cho doanh nghiệp, đặc biệt là tập trung đối với hoạt động tư vấn M&A vốn được xem là một xu thế tất yếu trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động như hiện nay. Công ty sẽ tập trung phối hợp thực hiện nghiệp vụ này phục vụ cho nhu cầu của Ngân hàng mẹ sau đó triển khai cung cấp dịch vụ ra thị trường.

▪ Đối với hoạt động tự doanh

Tiếp tục tái cấu trúc lại tài sản đầu tư của Công ty, tăng quy mô tổng tài sản bằng các giải pháp thích hợp, phấn đấu tăng tổng tài sản lên khoảng 1.200 tỷ đồng để tăng quy mô hoạt động của Công ty, tương xứng với lợi thế là công ty thành viên của một định chế tài chính lớn. Do thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro nên Công ty tiếp tục định hướng kinh doanh phải có lãi nhưng cần đảm bảo bảo toàn đồng vốn của Công ty và của nhà đầu tư không ngừng theo dõi diễn biến của thị trường để kịp thời nắm bắt các cơ hội đầu tư với kỳ vọng gia tăng lợi nhuận từ các khoản đầu tư cổ phiếu trên thị trường niêm yết.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có 03 thành viên là Bà **Đỗ Thị Thủy** – Chủ tịch HĐQT, Ông **Vũ Trung Thành** - Ủy viên HĐQT và Bà **Phạm Thị Thanh Hoài** - Ủy viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng Quản trị gồm có 3 thành viên không điều hành đảm bảo cho Hội đồng Quản trị độc lập với Ban Điều hành.

Thay đổi HĐQT

Năm 2013 Công ty không có sự thay đổi nào về nhân sự của Hội đồng Quản trị.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VietinBankSc có 5 thành viên trong Hội đồng Quản trị bao gồm:

1. Bà **Đỗ Thị Thủy** – Chủ tịch HĐQT
2. Ông **Vũ Trung Thành** – Ủy viên HĐQT
3. Ông **Đỗ Linh Phương** – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
4. Ông **Bạch Nguyễn Vũ** – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
5. Bà **Phạm Thị Thanh Hoài** – Ủy viên HĐQT



Bà ĐỖ THỊ THỦY

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1960

Bà Đỗ Thị Thủy là tiến sỹ kinh tế, chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng với hơn 28 năm kinh nghiệm. Bà từng tham gia nghiên cứu ở Hà Lan, Nga, Anh... và từng là giảng viên Học viện Ngân hàng Hà Nội. Bắt đầu công tác tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam từ năm 1997, Bà Thủy đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng như Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình, Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Trưởng phòng Tín dụng ngắn hạn,...

Hiện nay Bà Thủy đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Chứng khoán Công thương, Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.



Ông ĐỖ LINH PHƯƠNG

*Ủy viên HĐQT
Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1981*

Ông Đỗ Linh Phương có 10 năm kinh nghiệm làm việc trên thị trường tài chính Việt Nam và quốc tế. Tháng 01/2010, Ông gia nhập VietinBankSc và đảm nhiệm các chức vụ quản lý quan trọng như Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Trưởng phòng Tự doanh và Bảo lãnh phát hành. Trước khi tham gia VietinBankSc, Ông Phương là Trưởng phòng Tự doanh Công ty Chứng khoán Vincom (trực thuộc Tập đoàn VinGroup), Phòng Kinh doanh Ngoại tệ và vốn tại Ngân hàng Mizuho Corporate Bank,...

Hiện nay Ông Phương đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công Thương.

Ông Phương là cử nhân Đại học Ngoại thương Hà Nội, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại. Ông có thời gian học tập tại Đại học Quốc tế Osaka (Nhật Bản) và nằm trong danh sách được trao tặng Học bổng Fulbright.



Ông VŨ TRUNG THÀNH

*Ủy viên HĐQT
Năm sinh: 1981*

Ông Vũ Trung Thành có nhiều năm học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế - tài chính ở nước ngoài. Sau khi về nước, Ông Thành đã gia nhập Công ty Quản lý Quỹ Vietcombank và đảm đương nhiều vị trí quản lý quan trọng. Ông từng giữ chức vụ Tổng Giám đốc VietinBankSc, Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa.

Hiện nay, Ông Thành đảm nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT Công ty Chứng khoán Công thương, Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

Ông Thành là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Hull - Anh Quốc.



Bà PHẠM THỊ THANH HOÀI
Ủy viên HĐQT
Năm sinh: 1978

Bà Phạm Thị Thanh Hoài có kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong và ngoài nước. Gia nhập Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Bà Hoài lần lượt nắm giữ các vị trí Phó phòng Chế độ Tín dụng và Đầu tư, Phó Trưởng phòng Đầu tư.

Hiện nay, Bà Hoài đảm nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT Công ty Chứng khoán Công thương, Trưởng phòng Kinh doanh vốn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Bà Hoài là Thạc sĩ Tài chính, ĐH Warwick – Anh Quốc.



Ông BẠCH NGUYỄN VŨ
Ủy viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1977

Ông Bạch Nguyễn Vũ là một trong số những người tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu tiên (từ tháng 5/2000). Ông đã tham gia vào rất nhiều dự án tư vấn cổ phần hóa, tổ chức IPO, bảo lãnh phát hành, định giá doanh nghiệp... tại Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt. Ở cương vị một nhà quản lý, Ông Vũ đã từng nắm giữ các chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia, Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Vincom, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ĐTCK Hapaco.

Hiện nay Ông Vũ đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công Thương.

Ông Vũ là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo tại CFVG.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Việc giám sát của Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc: Hội đồng Quản trị hàng tháng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị công ty và những phát sinh đột xuất.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	05/QĐ-HĐQT-CKCT	19/03/2013	Giao nhiệm vụ cho Ông Bạch Nguyễn Vũ - Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Phụ trách Phòng Nghiên cứu và Phân tích
2	06/ QĐ-HĐQT-CKCT	05/04/2013	Phê duyệt tạm ứng tiền lương bình quân và đơn giá lương kinh doanh năm 2013
3	10/QĐ-HĐQT-CKCT	07/05/2013	Phê duyệt bổ sung kế hoạch vốn để mua hệ thống phần mềm Lotus/Domino và mua thiết bị phần cứng cho Hệ thống máy chủ của Công ty phục vụ cài đặt Hệ thống phần mềm Lotus/Domino
4	12/ QĐ-HĐQT-CKCT	05/06/2013	Phê duyệt điều chỉnh đơn giá tiền lương kinh doanh
5	17/ QĐ-HĐQT-CKCT09	11/07/2013	Ban hành Quy trình mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đăng ký, thực hiện dịch vụ giao dịch điện tử (trên cơ sở tách hoạt động mở tài khoản từ Quy trình môi giới)
6	24/ QĐ - HĐQT-CKCT01	12/08/2013	Thành lập Hội đồng tuyển dụng
7	26/QĐ/HĐQT – CKCT02	09/09/2013	Quy định một số khoản chi phí tại Công ty Chứng khoán Công thương
8	33/QĐ/HĐQT – CKCT01	05/11/2013	Thành lập Hội đồng tuyển dụng
9	02/NQ-HĐQT– CKCT	22/11/2013	Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2013
10	34/QĐ-HĐQT–CKCT01	18/12/2013	Ban hành Quy chế Chi trả tiền lương Công ty Chứng khoán Công thương thay thế quy chế cũ
11	36/QĐ-HĐQT–CKCT01	18/12/2013	Ban hành Bảng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm đối với người lao động

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:

- Về hoạt động quản trị rủi ro: Theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của UBCKNN về việc ban hành Quy chế hướng dẫn thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho Công ty Chứng khoán, HĐQT đã cử Ông Bạch Nguyễn Vũ - Ủy viên HĐQT phụ trách hoạt động quản trị rủi ro tại Công ty Chứng khoán Công thương từ ngày 30/12/2013. Đồng thời HĐQT giao Tổng Giám đốc thực hiện triển khai hoạt động quản trị rủi ro.

- Về hoạt động khác: HĐQT không thành lập các tiểu ban khác.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo Tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo Tài chính Công ty.

Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo Tài chính của Công ty.



Bà **NGUYỄN THÚY HÀ**

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế



Ông **ĐINH HUY KIÊN**

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính kiểm soát



Bà **NGUYỄN THỊ THU HIỀN**

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty, trong năm 2013 Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Hàng tháng tổ chức các cuộc họp Ban Kiểm soát để thông báo tình hình hoạt động kinh doanh Công ty và đánh giá triển khai công việc trong tháng.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát hàng tháng, hàng quý; phân công trách nhiệm đến từng thành viên Ban Kiểm soát theo các chức năng đã được quy định.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ cũng như đột xuất của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Đóng góp ý kiến với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;
- Giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước; quy trình, quy chế và các quy định nội bộ của Công ty. Giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình quy chế của Công ty.
- Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh; trên cơ sở đó, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Chỉ đạo bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ tại Công ty. Tham gia hội nghị

CNV người lao động, các cuộc họp do Tổng Giám đốc chủ trì.

Giám sát công tác quản lý và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, công tác quản lý và điều hành kinh doanh về cơ bản đều dựa vào Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ hàng tháng để xây dựng kế hoạch hoạt động công tác tháng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng Quản trị đã ban hành các quy chế, quy định, quy trình và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định Điều lệ Công ty; sửa đổi và bổ sung kịp thời một số quy định quản lý cho phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Với nhận định trong năm 2013 nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã có những bước đi phù hợp như: xác định thời điểm và chu kỳ

đầu tư cổ phiếu niêm yết hợp lý; tập trung đẩy mạnh kinh doanh nguồn vốn với lãi suất cao và an toàn; phát triển các dịch vụ như môi giới, tư vấn tăng thu phí dịch vụ. Do vậy, năm 2013, Công ty không những hoạt động an toàn mà còn thực hiện đạt chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao và luôn duy trì được các tỷ lệ bảo đảm an toàn tài chính;

- Các hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2013 về cơ bản được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ, tuân thủ các quy định của nhà nước, quy trình quy chế của Công ty. Năm 2013, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Giám sát hoạt động kinh doanh

- Ban Kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy trình, quy định về quản lý rủi ro cũng như việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Các hoạt động kinh doanh của Công ty đều được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ quy trình theo quy định của Công ty và theo pháp luật.

Soát xét báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt kiểm toán. Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động và tài chính báo cáo năm 2013 của Công ty.

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị

- Hàng tháng, Ban Kiểm soát giám sát việc triển khai Nghị quyết Hội đồng Quản trị về các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, các khoản đầu tư, các công việc đã thực hiện/ chưa thực hiện, những khó khăn vướng mắc của Ban Điều hành trong việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Thông qua việc giám sát thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã góp phần đôn đốc thực hiện, nắm bắt và phản ánh kịp thời các vướng mắc trong quá trình các đơn vị triển khai Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Giám sát việc ban hành, sửa đổi hệ thống cơ chế, quy chế, quy định, quy trình

- Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành luôn xác định việc hoàn thiện, bổ sung quy trình nghiệp vụ và cập nhật các cơ chế chính sách mới là việc làm mang tính thường xuyên, liên tục để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Trong năm 2013, Công ty đã bổ sung hoàn thiện: Sửa đổi Điều lệ công ty; Quy chế tài chính; ban hành Quy trình giao dịch Trái phiếu chính phủ Tín phiếu kho bạc; Quy định chi trả hoa hồng môi giới; Quy trình mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đăng ký giao dịch điện tử; Quy định một số khoản chi phí; Quy chế xác định lương cho nhân viên bán hàng; Quy trình tạm thời thực hiện nghiệp vụ đại lý phân phối...

Chỉ đạo công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

- Hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ là một bộ phận không tách rời của hoạt động nghiệp vụ, đảm bảo Công ty chứng khoán hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững.
- Trong năm 2013, Ban Kiểm soát cùng với Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ đã kiểm tra toàn diện hoạt động của Chi nhánh và các

Phòng ban nghiệp vụ tại Trụ sở chính Công ty. Qua đó, đã phản ánh kịp thời các sai sót trong quá trình tác nghiệp. Nhờ vậy, công tác quản trị rủi ro ngày càng được các Phòng ban, Chi nhánh chú trọng, các bước thực

hiện bài bản, nề nếp hơn giúp nâng cao hiệu quả tham mưu cho Ban Lãnh đạo trong quá trình ra quyết định chỉ đạo, điều hành đảm bảo bám sát thực tế, an toàn cho hệ thống.

Kiến nghị

Ban Kiểm soát có một số kiến nghị, đề xuất với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty như sau:

1. Tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược thông qua đó để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới và nâng cao vị thế của Công ty;
2. Lựa chọn thời điểm và cơ hội thích hợp để mở rộng quy mô tài sản nếu có dự án khả thi hoặc các cơ hội đầu tư. Xem xét khả năng tăng vốn thông qua việc phát hành chứng khoán;
3. Tiếp tục nâng cao chất lượng nghiệp vụ các mặt nghiệp vụ, phát huy thế mạnh mạng lưới Chi nhánh NHCT Việt Nam và hệ thống khách hàng của NHCT Việt Nam trên cả nước để phát triển khách hàng môi giới, tìm kiếm các hợp đồng đầu tư, hợp đồng tư vấn có giá trị. Tìm kiếm các cơ hội bán chéo sản phẩm với NHCT Việt Nam và các Chi nhánh;
4. Tiếp tục củng cố và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, làm nền tảng phát triển sản phẩm dịch vụ có tính cạnh tranh. Đồng thời, áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị rủi ro góp phần nâng cao hiệu quả quản trị điều hành của Công ty.
5. Không ngừng nâng cao công tác quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo mọi nghiệp vụ đều được kiểm soát chặt chẽ, đầy đủ; tuân thủ quy định của pháp luật, UBCK, quy định nội bộ của Công ty.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên đều thông qua mức thù lao cho Hội đồng Quản trị. Theo Nghị Quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2013, mức thù lao của Hội đồng Quản trị năm 2013 bằng 2,0% lợi nhuận sau thuế năm 2013.

Căn cứ trên tình hình kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2013, số tiền thù lao cho Hội đồng Quản trị như sau:

Đơn vị: triệu đồng	
Nội dung	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế năm 2013	65.237
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.305



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2013



Số: 02/2014/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập ngày 16 tháng 01 năm 2014 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tại ngày 31 tháng 12 năm 2013)*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		847.604	835.855
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	454.567	264.334
1. Tiền	111		167.567	182.834
2. Các khoản tương đương tiền	112		287.000	81.500
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		328.686	450.278
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.04	328.785	456.762
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn ^(*)	129		(99)	(6.484)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	63.417	120.457
1. Phải thu của khách hàng	131		4.640	2.295
2. Trả trước cho người bán	132		1.492	1.481
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		50.869	92.566
5. Các khoản phải thu khác	138		6.416	24.114
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ^(*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85	41
1. Hàng tồn kho	141	V.02	85	41
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho ^(*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		849	746
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		836	732
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		12	14

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tại ngày 31 tháng 12 năm 2013) (tiếp theo)*

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. Tài sản dài hạn	200		234.670	257.555
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.488	8.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	2.131	4.369
- Nguyên giá	222		20.959	24.621
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(18.828)	(20.252)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	3.357	4.436
- Nguyên giá	228		15.528	13.852
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(12.171)	(9.415)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	209.652	229.219
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		209.652	229.219
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		209.652	229.219
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.530	19.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	10.474	12.105
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	9.056	7.426
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng tài sản	270		1.082.273	1.093.410

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tại ngày 31 tháng 12 năm 2013) (tiếp theo)*

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		182.422	202.908
I. Nợ ngắn hạn	310		180.118	199.657
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	-	-
2. Phải trả người bán	312		1.057	898
3. Người mua trả tiền trước	313		578	515
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	6.312	5.003
5. Phải trả người lao động	315		7.074	10.966
6. Chi phí phải trả	316		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.160	1.062
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.17	153.438	139.795
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		2.829	37.261
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		6.170	2.261
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1.500	1.897
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.303	3.251
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		2.303	3.251
B. Vốn chủ sở hữu	400		899.852	890.502
I. Vốn chủ sở hữu	410		899.852	890.502
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		789.934	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.920	1.920
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.917	7.280
4. Cổ phiếu quỹ	414		(8.989)	(8.989)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.917	7.280
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		95.154	93.078
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng nguồn vốn	440		1.082.273	1.093.410

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tại ngày 31 tháng 12 năm 2013) (tiếp theo)***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	19.980	19.980
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	5.252.280	4.604.596
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	4.989.728	4.396.643
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	10.807	19.202
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	4.976.819	4.375.317
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	2.102	2.125
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	38.379	43.574
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch khách hàng trong nước	014	38.379	43.574
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	101.541	10.112
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	101.541	10.112
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	104.603	140.057
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	300	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	104.303	140.057
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	12.900	12.900
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	034	12.900	12.900
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	5.130	1.310
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	0,1	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	5.129	1.310
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	0,46	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	19.840	334
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	19.840	334
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	19.840	334
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	22	22
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	350.808	169.108

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			Năm nay	Năm trước
Doanh thu	01		148.476	175.699
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		30.181	37.504
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		67.066	66.428
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		1.191	250
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		65	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		9.183	14.334
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		5.763	4.417
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		35.028	52.765
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		148.476	175.699
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		35.262	46.144
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		113.214	129.554
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.667	33.579
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		85.548	95.975
Thu nhập khác	31		13	27
Chi phí khác	32		0,3	50
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13	(23)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		85.560	95.952
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.01	20.323	23.212
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		65.237	72.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.02	840	936

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		85.560	95.952
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
Khấu hao tài sản cố định	02		5.010	7.167
Các khoản dự phòng	03		(6.385)	(8.025)
Lãi)/lỗ chênh lệch TGHĐ chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(85.282)	(103.600)
Chi phí lãi vay	06		755	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(343)	(8.506)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		39.407	(85.871)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(44)	(16)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(25.708)	(406.340)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.527	2.897
Tiền lãi vay đã trả	13		(755)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(19.053)	(27.066)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.223	243
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.186)	(8.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.931)	(533.411)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2013 (Phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.855)	(1.425)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	22
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(526.746)	(601.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		747.746	165.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(80.800)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.797	76.078
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		96.604	101.750
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		247.745	(295.575)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		65.000	31.859
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(65.000)	(31.859)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46.580)	(46.613)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(46.580)	(46.613)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		190.234	(839.599)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		264.334	1.103.933
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		454.567	264.334

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng							
		Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		789.934	789.934	-	-	-	-	789.934	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần		1.920	1.920	-	-	-	-	1.920	1.920
3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.085	7.280	3.195	-	3.637	-	7.280	10.917
4. Cổ phiếu quỹ (*)		(8.989)	(8.989)	-	-	-	-	(8.989)	(8.989)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		4.085	7.280	3.195	-	3.637	-	7.280	10.917
9. Các quỹ khác thuộc VCSH		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	VIII.03	80.873	93.078	72.740	(60.535)	65.237	(63.161)	93.078	95.154
Cộng		871.907	890.502	79.129	(60.535)	72.511	(63.161)	890.502	899.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần, trong đó vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chiếm 75,6% tổng số vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo Tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

2.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

2.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị	:	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	:	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	03 - 05 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	:	03 năm
Phần mềm máy vi tính	:	03 - 05 năm

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

3.1. Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

3.2. Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

3.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn so với giá chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà không thể thu thập được giá trị thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh đang phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” là giá trị lợi thế kinh doanh ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu, bao gồm: vốn góp của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và vốn góp của các cổ đông khác trong Công ty Cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành để lại cho Công ty Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

6.2. Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

6.3. Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

6.4. Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	143	64
Tiền gửi ngân hàng	162.928	181.510
Trong đó:		
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	147.828	137.329
Tiền đang chuyển	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	4.496	1.260
Trong đó:		

- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của nhà đầu tư	4.278	806
TGNH có kỳ hạn không quá 3 tháng	287.000	81.500
Cộng	454.567	264.334

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	33	6
Công cụ, dụng cụ	52	35
Cộng	85	41

3. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Giao dịch thực hiện trong năm	
	Khối lượng	Giá trị (triệu đồng)
Của công ty chứng khoán	30.651.174	410.709
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	30.651.174	410.709
- Trái phiếu	-	-
Của nhà đầu tư	905.347.178	13.519.530
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	905.347.178	13.519.530
- Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	935.998.352	13.930.238

4. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị: triệu đồng										
Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá	
					Tăng		Giảm		thị trường	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
I. Đầu tư ngắn hạn			328.785	465.762	176	6	99	6.484	328.862	450.284
1. Cổ phiếu	1.145.159	464.393	12.655	5.537	39	6	99	109	12.595	5.434
Cổ phiếu niêm yết	680.290	19.975	7.104	274	38	6	86	108	7.056	173
Trong đó : các cổ phiếu giảm so với giá thị trường	144.540	19.956	2.431	274	25	6	86	108	2.370	173
- CLP CTCP Thủy sản Cửu Long	3	10.993	0,031	119	-	-	-	40	-	79
- MBB Ngân hàng TMCP Quân Đội	120.008	8	1.548	0,1	-	-	24	-	1.524	0,1
- FPT CTCP Phát triển đầu tư công nghệ FPT	15.000	8	726	0,4	-	-	20	0,1	707	0,3
Các cổ phiếu lẻ khác	9.529	8.947	157	155	25	6	43	68	139	93
Cổ phiếu chưa niêm yết	464.869	444.418	5.551	5.263	0,7	0,03	13	1	5.539	5.261
Trong đó : Các cổ phiếu lẻ bị hủy niêm yết (**)	806	319	18	9	0,7	0,03	13	1	5	7
2. Trái phiếu	215	-	215.000	-	-	-	-	-	215.000	-
3. Chứng chỉ quỹ	149.950	1.500.000	1.130	15.225	137	-	-	6.375	1.267	8.850
4. Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (***)			100.000	436.000	-	-	-	-	100.000	436.000
II. Chứng khoán đầu tư			209.652	229.219	-	-	-	-	209.652	229.219
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán			209.652	229.219	-	-	-	-	209.652	229.219
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	9.950.324	1.500.000	152.800	72.000	-	-	-	-	152.800	72.000
- Trái phiếu	540.000	540.100	56.852	157.219	-	-	-	-	56.852	157.219

Trong đó:

(*): Là những cổ phiếu chưa niêm yết không thể thu thập được giá thị trường nên xác định bằng giá trị sổ sách.

(**): Là những cổ phiếu bị hủy niêm yết trích lập theo giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(***): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng theo thỏa thuận Công ty có thể rút trước hạn bất cứ thời điểm nào.

5. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản cố định khác	Tổng
1. Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	206	17.224	4.577	2.615	-	24.621
Mua trong kỳ	-	140	-	-	39	178
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm do chuyển sang chi phí trả trước	-	(3.543)	-	(297)	-	(3.840)
Số dư cuối kỳ	206	13.820	4.577	2.318	39	20.959
2. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	206	14.847	3.081	2.119	-	20.252
Số khấu hao trong kỳ	-	1.349	593	305	6	2.253
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm do chuyển sang chi phí trả trước	-	(3.445)	-	(232)	-	(3.677)
Số dư cuối kỳ	206	12.751	3.674	2.192	6	18.828
3. Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	-	2.377	1.496	496	-	4.369
Tại ngày cuối kỳ	-	1.069	903	126	33	2.131

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 11.552.876.723 đồng

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình				
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Quyền phát hành</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Tổng</u>
1. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	13.852	13.852
Mua trong kỳ	-	-	-	1.676	1.677
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	15.528	15.528
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	9.415	9.415
Số khấu hao trong kỳ	-	-	-	2.756	2.756
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	12.171	12.171
3. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	4.436	4.436
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	3.357	3.357

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 2.705.420.027 đồng.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí trả trước dài hạn	Thời điểm	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị DN	9.982	11.797
Giá trị còn lại của CCDC xuất dụng	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	492	309
Cộng	10.474	12.106

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	419	209
Thu nhập doanh nghiệp	5.529	4.259
Thu nhập cá nhân	363	535
Cộng	6.312	5.003

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Đơn vị: triệu đồng

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	Thời điểm	
	Năm nay	Năm trước
Tiền nộp ban đầu	3.154	3.154
Tiền nộp bổ sung	3.849	3.019
Tiền lãi phân bổ	2.052	1.252
Số cuối năm	9.056	7.426

11. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiêu	Đơn vị: triệu đồng							
	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi
1. Phải thu của khách hàng	2.295	-	-	23.533	21.188	4.640	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	92.566	-	-	694.763	736.460	50.869	-	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	206.426	206.045	381	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	4	4	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	92.566	-	-	488.333	530.411	50.488	-	-
+ Phải thu khách hàng GDCK về phí dịch vụ	333	-	-	18.263	18.392	204	-	-
+ Phải thu khách hàng GDCK về ký quỹ (*)	92.234	-	-	470.070	512.019	50.284	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	994	994	-	-	-
4. Phải thu nội bộ khác	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	25.595	-	-	399.530	417.218	7.908	-	-
- Trả tiền trước cho người bán	1.481	-	-	3.517	3.507	1.492	-	-
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác (**)	24.114	-	-	396.013	413.711	6.416	-	-
Cộng	120.457	-	-	1.118.821	1.175.860	63.417	-	-

(*) Giá trị tài sản đảm bảo của các chứng khoán giao dịch ký quỹ căn cứ theo giá đóng cửa đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính là 332.898.737.500 đồng.

(**) Trong đó	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.231	18.123
Cổ tức	-	71
Lãi trái phiếu	4.114	4.763
Các khoản khác	71	1.157
Cộng	6.416	24.114

13. Vay ngắn hạn

Đơn vị: VNĐ

Khoản vay	Lãi suất vay	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay Ngân hàng INDOVINA – Chi nhánh Đồng Đa	11%	-	65.000.000.000	65.000.000.000	-
Cộng		-	65.000.000.000	65.000.000.000	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả, phải nộp khác	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Kinh phí công đoàn	11	78
2. Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.150	983
- Phải trả cổ tức CTS cho nhà đầu tư	69	27
- Phải trả khác	1.081	956
Cộng	1.160	1.062

17. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả SGDCK	291	265
2. Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	223	231
3. Phải trả tổ chức, cá nhân khác	152.924	139.298
- Phải trả nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán	152.206	138.126
- Phải trả khác	718	1.172
Cộng	153.438	139.795

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đơn vị: triệu đồng		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.320	23.212
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	3	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.323	23.212

2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đơn vị: triệu đồng		
Chỉ tiêu	Năm	
	Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	65.237	72.740
2. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông hiện hữu cổ phiếu phổ thông	65.237	72.740
3. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	77.703.400	77.703.400
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	840	936

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Ghi chú
Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

2. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.993.400	78.993.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu phổ thông	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.290.000	1.290.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.290.000	1.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	77.703.400	77.703.400
- Cổ phiếu phổ thông	77.703.400	77.703.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

3. Phân phối lợi nhuận

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng Năm	
	Năm nay	Năm trước
- Trả cổ tức	46.622	46.622
- Vốn khác của chủ sở hữu	3.637	3.195
- Quỹ dự phòng tài chính	3.637	3.195
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.810	6.207
- Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.455	1.316
Cộng	63.161	60.535

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

	Số tiền (triệu đồng)
Thù lao, thưởng HĐQT, Ban kiểm soát năm 2012	434

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam với tỷ lệ góp vốn là 75,6%.

Giao dịch với bên liên quan:

Các giao dịch chủ yếu trong năm giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm:

Nội dung	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	23.835	46.697
Chi hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	5.255	5.951
Chi trả cổ tức	35.834	35.834
Tư vấn phát hành trái phiếu	3.013	-

Số dư với bên liên quan:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư của Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm:

Nội dung	Đơn vị: triệu đồng	
	Cuối năm	Đầu năm
Số dư tiền gửi không kỳ hạn	159.931	178.168
Số dư tiền gửi có kỳ hạn	387.000	517.500
Phải thu về lãi tiền gửi	2.231	18.123
Phải thu khác (phí tư vấn, phí lưu ký, khác)	50	6

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán, hoạt động tư doanh, hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	30.181	68.322	9.183	5.763	35.028	148.476
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	28.337	15.969	5.142	3.893	9.588	62.929
Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.844	52.353	4.041	1.870	25.440	85.548
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	377	854	115	72	438	1.855
Số dư cuối năm						
Tài sản trực tiếp bộ phận	17.208	451.538	5.781	810	606.794	1.082.130
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	143
Tổng tài sản	17.208	451.538	5.781	810	606.794	1.082.274
Nợ phải trả bộ phận	68.887	7.180	1.543	7.463	91.179	176.251
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	6.170
Tổng nợ phải trả	68.887	7.180	1.543	7.463	91.179	182.422

Đơn vị: triệu đồng

	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Cộng
Năm trước						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	37.504	66.678	14.334	4.417	52.765	175.699
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	35.756	18.487	6.318	3.571	15.592	79.724
Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.748	48.191	8.016	847	37.173	95.975
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	1.260	55	12	54	43	1.425
Số dư cuối năm						
Tài sản bộ phận	14.139	693.532	4.273	754	380.649	1.093.347
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	64
Tổng tài sản	14.139	693.532	4.273	754	380.649	1.093.410
Nợ phải trả bộ phận	58.696	6.804	1.977	43.550	89.620	200.647
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	2.261
Tổng nợ phải trả	58.696	6.804	1.977	43.550	89.620	202.908

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Đơn vị: triệu đồng			
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	328.785	456.762	328.862	450.284
Chứng khoán thương mại	228.785	20.762	228.862	14.284
- Cổ phiếu niêm yết	7.104	274	7.056	173
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	5.551	5.263	5.539	5.261
- Trái phiếu (*)	215.000	-	215.000	-
- Chứng chỉ quỹ	1.130	15.225	1.267	8.850
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	100.000	436.000	100.000	436.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	61.926	117.954	61.926	117.954
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	209.652	229.219	209.652	229.219
Chứng khoán sẵn sàng để bán	209.652	229.219	209.652	229.219
- Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	152.800	72.000	152.800	72.000
- Trái phiếu(*)	56.852	157.219	56.852	157.219
Tiền và các khoản tương đương tiền	454.567	264.334	454.567	264.334
Cộng	1.054.930	1.068.269	1.055.007	1.061.790
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	153.438	139.795	153.438	139.795
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.217	1.062	2.217	1.062
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.829	37.261	2.829	37.261
Cộng	158.484	178.117	158.484	178.117

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và các khoản hợp tác kinh doanh được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 4 loại: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và một số ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và Bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình thuyết minh V.1. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả cho người bán, phải trả khác	1.062	-	-	1.062
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	139.795	-	-	139.795
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	37.261	-	-	37.261
Cộng	178.118	-	-	178.118

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán, phải trả khác	2.217	-	-	2.217
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	153.438	-	-	153.438
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.829	-	-	2.829
Cộng	158.484	-	-	158.484

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2014

Kế toán trưởng



Phan Hải Sâm

Tổng Giám đốc



Đỗ Linh Phương

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



ĐỖ LINH PHƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính – Head Office

306 Bà Triệu – Q. Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6278 0012 – Fax: (84-4) 3974 1760

Chi nhánh TP.HCM – HCMC Branch

49 Tôn Thất Đạm – P. Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3820 9987 – Fax: (84-8) 3820 0921